

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Toàn
2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 26 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 145/2024/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST - HN ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộng T, sinh năm 1987. (Có mặt)

Trú tại: ấp PL A, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

2 Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: ấp PL A, xã PH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Trần Thị Mộng T trình bày:

Chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Hoàng V kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/8/2007. Sau khi kết hôn chị T và anh V sống chung với gia đình chị T ở Ấp Phước Lợi A, xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, anh V ghen tuông và nhiều lần dùng vũ lực hành hung chị T, từ

đó chị T và anh V cũng không có nói chuyện gì với nhau, mạnh người nào người đó sống không ai quan tâm gì đến ai.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 26/11/2008, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: chị T không yêu cầu giải quyết

Bị đơn: anh Nguyễn Hoàng V không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng V được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển 01 do Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30/8/2007 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng, chị T và anh V không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, anh V có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh V không có văn bản phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng anh V vắng mặt không có lý do, nên không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia T, sinh ngày 26/11/2008. Xét thấy, cháu Gia T hiện nay do chị T đang nuôi dưỡng, cháu T cũng có nguyện

vọng sống cùng với chị T, anh V không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi cháu Thịnh khi ly hôn của chị T. Để đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần, đồng thời để đảm bảo quyền lợi của trẻ em sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Gia Thịnh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Gia T, sinh ngày 26/11/2008, cho chị Trần Thị Mộng T tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Mộng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số

0000901 ngày 18/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ; chị Thủy đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mộng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú